

PHỤ LỤC 08

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2013

**TỜ TRÌNH VỀ VIỆC SỬA ĐỔI QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VPBANK

Hiện tại, Ban kiểm soát của VPBank đang được vận hành theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát số 182/2010/QĐ – HĐQT. Quy chế này được xây dựng dựa trên các quy định tại Luật Doanh nghiệp 2005, Luật Tổ chức tín dụng 2010, Nghị định số 59/2009/NĐ – CP ngày 16/7/2009 về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại; Thông tư số 06/2010/TT – NHNN ngày 26/02/2010 hướng dẫn về tổ chức, quản trị, điều hành, vốn điều lệ, chuyển nhượng cổ phần, sửa đổi, bổ sung Giấy phép, Điều lệ của Ngân hàng thương mại.

Sau 04 năm tổ chức và hoạt động theo Quy chế này, Ban Kiểm soát đã đóng vai trò giám sát hiệu quả đối với hoạt động quản lý điều hành, góp phần vào sự phát triển của VPBank hiện nay. Tuy nhiên, hiện nay Luật doanh nghiệp 2014 ra đời thay thế cho Luật Doanh nghiệp 2005 trong đó có nhiều quy định mới về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, cụ thể như sau: Luật Doanh nghiệp 2014 đã quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với Trưởng Ban Kiểm soát; bổ sung thêm các hình thức biên bản họp của Ban kiểm soát, quy định các thành viên Ban kiểm soát được hưởng tiền lương hoặc thù lao...

Bên cạnh đó, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát số 182/2010/QĐ – HĐQT, một số quy định chưa phù hợp với cách diễn đạt tại Luật Tổ chức tín dụng 2010 và Nghị định số 59/2009/NĐ – CP ngày 16/7/2009 về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng thương mại .

Từ các lý do trên, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với các nội dung theo văn bản đính kèm.

Trân trọng

Nơi nhận:

- *Như trên*
- *Lưu VP HĐQT*

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Ngô Chí Dũng

STT	NỘI DUNG CŨ	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
1	<p>Khoản 5 Điều 2.</p> <p>“Xem xét sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của VPBank khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông lớn.”</p>	<p>“Xem xét sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của VPBank khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của VPBank trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng.”</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014 và quy định tại điểm e khoản 3 Điều 38 Điều lệ VPBank.</p>
2	<p>Bổ sung khoản 9, khoản 10 Điều 2 về nhiệm vụ của Ban Kiểm soát</p>	<p>9. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của VPBank.</p> <p>10. Có quyền tham dự hoặc tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của VPBank</p>	<p>Bổ sung theo khoản 7 và khoản 9 của Luật Doanh nghiệp 2015.</p>
3	<p>Bổ sung khoản 7, Khoản 8 Điều 3 về trách nhiệm của thành viên BKS</p>	<p>7. Trường hợp vi phạm các quy định tại các Khoản 1, 2, 3,4, 5,6 của Điều này mà gây thiệt hại cho VPBank hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích mà thành viên Ban kiểm soát có được phải hoàn trả cho VPBank.</p> <p>8. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 5 và khoản 6 của Điều 168 Luật Doanh nghiệp 2015.</p>

3	Điều 4: Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát Quy định tại chương III	Chuyển về Chương I	Cơ cấu lại điều khoản phù hợp với kết cấu của văn bản
4	Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát Quy định tại Chương III	Chuyển về chương I	Cơ cấu lại điều khoản phù hợp với kết cấu của văn bản
5	Điều 6. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao, nhận tiền lương theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quy định. Hàng năm, Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức chi phí, ngân sách hoạt động trong năm của Ban kiểm soát (bao gồm chi phí về lương, thù lao của thành viên Ban kiểm soát). Trưởng Ban kiểm soát trên cơ sở căn cứ vào tổng mức chi phí đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, số lượng thành viên Ban kiểm soát và số lượng, tính chất của công việc của từng thành viên để quyết định mức lương, thù lao phù hợp đối với từng thành viên Ban kiểm soát;	Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2015 quy định Kiểm soát viên được nhận tiền lương hoặc thù lao.
6	Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên Ban kiểm soát	Bổ sung điểm e khoản 1 Điều 8: e. Không được giữ chức vụ quản lý của VPBank; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của VPBank. Bổ sung khoản 2 Điều 8: “Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại VPBank	1. Bổ sung điểm e theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2014. 2. Bổ sung khoản 2 Tiêu chuẩn của Trưởng Ban kiểm soát theo quy định mới tại khoản 2 Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2014.
7	Khoản 2 Điều 9. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách 1. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách không được đồng thời đảm nhận chức vụ, làm việc tại tổ chức tín dụng	Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau: Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách không được đồng thời đảm nhận chức vụ, làm việc tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác	Bổ sung lại theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật TCTD 2010.

	khác		
8	<p>Điều 11. Bãì nhiệm, miễn nhiệm</p> <p>d. Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 27, Điều 28 của Điều lệ VPBank;</p> <p>f. Vi phạm quy định tại Điều lệ này và/hoặc các quy định của pháp luật về mua bán và chuyển nhượng cổ phần.</p> <p>g. Vi phạm quy định tại Điều lệ VPBank và/hoặc các quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p>i. Các trường hợp khác do Điều lệ ngân hàng quy định</p>	<p>Sửa đổi lại điểm d, f, g, h khoản 1 như sau:</p> <p>d. Bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 32, Điều 33 của Điều lệ VPBank.</p> <p>f. Không tham gia các hoạt động của Ban Kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>g. Bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định là vi phạm quy định tại Điều lệ VPBank và/hoặc các quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao gây thiệt hại cho VPBank.</p> <p>h. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>i. Các trường hợp khác do Điều lệ ngân hàng quy định hoặc theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bổ sung khoản 8: “8. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông quan quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng nhà nước.”</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa lại điểm d theo dẫn chiếu theo đúng tinh thần của Điểm đ khoản 1 Điều 24 NĐ 59. - Sửa lại điểm f, g, h, i theo quy định tại Điều 29 Điều lệ VPBank. - Bổ sung khoản 8 để phù hợp với khoản 3 Điều 36 Luật các TCTD và khoản 5 Điều 29 Điều lệ.
9	<p>Sửa đổi Khoản 5 Điều 14 về các quan hệ công việc</p> <p>“Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi VPBank đặt trụ sở chính theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Quy chế này và các quy định khác của pháp luật.”</p>	<p>Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố nơi VPBank đặt trụ sở chính và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định khác của pháp luật.</p>	<p>Sửa đổi vì khoản 3 Điều 15 Quy chế này không quy định về công tác báo cáo và đây chỉ là báo cáo NHNN Hà Nội trong khi đó còn Ngân hàng nhà nước và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác.</p>
10	<p>Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>4. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau 05 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban</p>	<p>4. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau 03 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát; trường hợp họp bất thường thì thời hạn thông báo có thể ngắn hơn theo quyết định của Trưởng Ban Kiểm</p>	<p>1. Sửa đổi lại Khoản 4 theo quy định tại Khoản 6 Điều 153 Luật DN 2014.</p>

	<p>kiểm soát; trường hợp họp bất thường thì thời hạn thông báo có thể ngắn hơn theo quyết định của Trường Ban Kiểm soát.</p> <p>5. Trường hợp triệu tập họp Ban kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trường Ban kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo.</p> <p>7. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được ít nhất 51% số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận.</p> <p>9. Các cuộc họp của Ban kiểm soát phải được ghi vào sổ biên bản.</p> <p>10. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt.</p>	<p>soát.</p> <p>5. Trường hợp triệu tập họp Ban kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trường Ban kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Ban kiểm soát dự họp.</p> <p>7. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận.</p> <p>8. Các cuộc họp của Ban kiểm soát phải được ghi vào sổ biên bản và có thể được ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác.</p> <p>9. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài.</p> <p>10. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	<p>2. Sửa lại khoản 5 theo quy định tại khoản 4 Điều 49 Nghị định 59/2010/NĐ – CP và khoản 8 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2014.</p> <p>3. Sửa đổi Khoản 7 theo quy định tại khoản 6 Điều 49 Nghị định 59/2010/NĐ – CP.</p> <p>4. Sửa đổi khoản 8 theo quy định tại Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2014.</p> <p>5. Sửa đổi khoản 9 và bổ sung khoản 11 theo quy định tại khoản 3 Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2014.</p>
11	<p>Điều 16. Thẻ thức lấy ý kiến thành viên Ban kiểm soát bằng văn bản</p> <p>1. Trường Ban kiểm soát quyết định việc lấy ý kiến thành viên Ban kiểm soát và tổ chức thực hiện.</p> <p>9. Được sự nhất trí bằng văn bản của ít nhất 51% thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến</p>	<p>1. Trường Ban kiểm soát quyết định việc lấy ý kiến thành viên Ban kiểm soát bằng văn bản và tổ chức thực hiện.</p> <p>9. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến</p>	<p>1. Sửa đổi theo quy định tại Điều 51 Nghị định 59/2010/NĐ - CP.</p> <p>2. Sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 49 Nghị định 59/2010/NĐ – CP</p>